

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040452	36CCĐ2	Nguy n Vi t An	30/05/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
2	3671040545	36CCĐ2	Tr n Tu n Anh	06/11/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	5.0	3.5	6.0	
3	3671040051	36CCĐ1	Nguy n V ã h Công	08/01/1994				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	
4	3671041981	36CCĐ1	Nguy n H u C	20/04/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
5	3671040336	36CCĐ2	Ph m Ph ng C ng	19/10/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	2.8	2.0	4.3	
6	3671040422	36CCĐ2	Võ Minh C ng	08/07/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	4.5	3.2	5.4	N HP
7	3671040526	36CCĐ2	Nguy n Qu c C ng	12/05/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
8	3671040546	36CCĐ2	Nguy n Ho ã ng Châu	12/06/1994				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	2.0	1.4	3.7	
9	3671040622	36CCĐ2	Nguy n ã ã nh Chung	02/10/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
10	3671040118	36CCĐ1	Tr n V ã h Dân	22/07/1994				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	1.0	0.7	2.7	
11	3671040445	36CCĐ2	Nguy n V ã h Đ ã h	16/07/1992				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
12	3671040637	36CCĐ2	Lê Thanh Duy	19/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	4.3	3.0	5.0	
13	3671040573	36CCĐ2	Nguy n Xu ã n D c	05/10/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.5	1.8	1.8	N HP
14	3671040124	36CCĐ1	Nguy n H ng D ng	18/11/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	
15	3671040574	36CCĐ2	Ph m Minh H ng ã i	05/09/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	4.8	3.4	5.7	
16	3671040572	36CCĐ2	H V ã h ã t	28/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	6.8	4.8	6.8	
17	3671040419	36CCĐ2	Ph m Qu c ã t	27/05/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	3.5	2.5	4.9	
18	3671040512	36CCĐ2	V H H i ã ã ng	19/08/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.5	0.4	2.5	
19	3671040218	36CCĐ1	Nguy n V ã h ã	06/11/1994				7.0	6.0	6.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040428	36CCĐ2	Nguy n V ấ ấ i n	25/03/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
21	3671040388	36CCĐ2	Lê Quang ấ »ng	02/01/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
22	3671040055	36CCĐ1	Nguy n Quang ấ c	03/12/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
23	3671040274	36CCĐ1	VHNg c ấ c	04/03/1993				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	0.8	0.6	2.3	
24	3671040180	36CCĐ1	Ng» V ấ Hai	24/01/1994				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	5.5	3.9	6.5	
25	3671040080	36CCĐ1	Ph m Trung Hà	04/09/1994				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
26	3671040235	36CCĐ1	B ấ Ng c H i	27/10/1994				10.0	9.0	8.0	9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
27	3671040020	36CCĐ1	ấ inh C»ng H u	18/11/1994				5.0	6.0	5.0	5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	
28	3671040230	36CCĐ1	Nguy n H u Hi n	01/06/1994				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	1.3	0.9	2.6	
29	3671040633	36CCĐ2	B ấ Ng c Hi u	28/11/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP
30	3671040501	36CCĐ2	Tr n ấ ph Hi u	15/07/1994				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	3.5	2.5	4.2	
31	3671040436	36CCĐ2	Vô Minh Hi p	28/09/1994				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	N HP
32	3671042003	36CCĐ1	Nguy n Th Hoan	20/12/1994				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	
33	3671040216	36CCĐ1	L i ấ ph Hoàng	22/08/1994				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	
34	3671040531	36CCĐ2	Tr n Thi ² n Hoàng	02/02/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
35	3671040011	36CCĐ1	VHNg t Hoàng	06/04/1994				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	N HP
36	3671040522	36CCĐ2	Tr n Kim H	20/11/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
37	3671040027	36CCĐ1	L ng ấ ph Huy	13/07/1994				9.0	8.0	7.0	8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
38	3671040126	36CCĐ1	Mai Th Huy	25/09/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	3.5	2.5	4.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040371	36CCĐ2	VH	Minh Hùng	18/03/1994				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	3.3	2.3	4.6	
40	3671040332	36CCĐ2	Ph m C»	ng H ng	16/10/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
41	3671040178	36CCĐ1	Nguy n Trung	Kiên	20/10/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
42	3671040079	36CCĐ1	Tr n V ấ	Kiên	15/07/1994				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	N HP
43	3671041493	37CCD2	B ấ Anh Tu n	Ki t	04/10/1991				6.0	6.0	6.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
44	3571010054	36CCĐ2	Nguy n Nh Tu n	Ki t	14/10/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP
45	3671040320	36CCĐ1	Bi n H u	Kha	20/05/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	3.5	2.5	4.9	
46	3671040204	36CCĐ1	T ấ nh	Kha	30/05/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	4.8	3.4	5.6	
47	3671040262	36CCĐ1	Lê Duy	Khang	11/01/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	2.0	1.4	3.3	
48	3671040086	36CCĐ1	Nguy n Anh	Khang	16/11/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
49	3671040285	36CCĐ1	Tr n Ng» Qu c	Khanh	31/10/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
50	3671042021	37CCD1	Hu nh T n	Lâm	02/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
51	3671040087	36CCĐ1	Tr ng Ho ấ	Lâm	02/09/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	1.8	1.3	3.5	
52	3671040594	36CCĐ2	Nguy n C»	ng L ng	02/01/1994				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	5.0	3.5	5.8	
53	3671040628	36CCĐ2	Bi n V ấ	L ng	30/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	
54	3671040033	36CCĐ1	L ấ V ấ	L u	05/07/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
55	3671041954	37CCD1	Ću T n	L c	26/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP
56	3671040465	36CCĐ1	Nguy n ấ c	M nh	15/04/1992				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	
57	3671040482	36CCĐ2	Lê Minh	M n	16/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	1.0	0.7	2.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671040028	36CCĐ1	Nguy n Ng c H i My	03/07/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
59	3671040213	36CCĐ1	Ho ầ ng Xu ầ n Nam	28/10/1994				10.0	7.0	8.0	8.3	2.5	8.8	6.2	8.7	N HP
60	3671040029	36CCĐ1	Nguy n Ng c Nam	02/07/1994				7.0	8.0	7.0	7.3	2.2	0.0	0.0	2.2	
61	3671040580	36CCĐ2	Nguy n V ấ Nh Nam	15/03/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
62	3671041989	36CCĐ2	L u C ầ ng Ngh ấ Nam	09/01/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	3.0	2.1	4.1	
63	3671040680	37CCD1	B ắ i V ấ Nh Nhân	05/06/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	
64	3671040568	36CCĐ2	Phan Hi n Nhân	02/02/1994				6.0	6.0	6.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
65	3671040495	36CCĐ2	Tr n ấ c Nh t	25/10/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	2.8	2.0	4.3	
66	3671040505	36CCĐ2	Hu ầ nh T n Ph ấ t	04/09/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	6.0	4.2	6.7	
67	3671042041	36CCĐ2	Tr ng Qu c Qu ầ n	05/05/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
68	3671040195	36CCĐ1	Ho ầ ng Thi ầ n Qu c	12/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
69	3671040170	36CCĐ1	B ắ i H u Quy n	20/02/1992				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	3.8	2.7	5.0	
70	3671041646	36CCĐ2	Nguy n Ng c Sang	02/01/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	4.5	3.2	5.4	
71	3671040282	36CCĐ1	Nguy n Ph m M ấ t Shi Bit	10/08/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
72	3671040012	36CCĐ1	H ầ n T n Sinh	08/10/1991				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	3.0	2.1	4.6	
73	3671042032	37CCD1	Nguy n H ng S n	16/10/1992				7.0	6.0	6.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	
74	3671040366	36CCĐ2	Nguy n Ph ầ t Tài	04/07/1994				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	N HP
75	3671040354	36CCĐ2	Hu ầ nh Ng c Tân	26/04/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
76	3671040329	36CCĐ2	Tr n Ti n	23/04/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3671040005	36CCĐ1	L u ấ c To ấ n	22/11/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
78	3671041205	36CCĐ1	Nguy n ấ c Tu n	10/07/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	2.3	1.6	3.6	
79	3671040528	36CCĐ2	Nguy n H u T ấ ng	10/12/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
80	3671040162	36CCĐ1	L ấ Thanh Tú	10/04/1993				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	N HP
81	3671041986	36CCĐ1	L ấ Minh Th ấ nh	20/05/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
82	3671040542	36CCĐ2	Tr n Minh Th ấ nh	26/08/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	2.0	1.4	3.6	
83	3471010310	34CCĐ7	Nguy n Xu ấ n Thi m	25/10/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
84	3671040196	36CCĐ1	Thi V ấ Thi n	20/02/1994				9.0	10.0	8.0	9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
85	3671040090	36CCĐ1	Ph m V ấ Th ấ ng	05/11/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	5.0	3.5	6.0	N HP
86	3471010323	36CCĐ1	Nguy n Minh Thu n	31/03/1992							0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	N HP
87	3671040140	36CCĐ1	Nguy n H u Th ng	21/06/1993				6.0	7.0	6.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	
88	3671040280	36CCĐ1	Nguy n Quang Tr i	10/06/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	3.5	2.5	4.7	
89	3671040499	36CCĐ2	L ng Ho ấ ng Ph c Tr ấ n	19/01/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	3.8	2.7	5.0	
90	3671040615	36CCĐ2	Nguy n Tr n ấ »ng Tri u	01/01/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	4.0	2.8	4.7	N HP
91	3671040455	36CCĐ2	Ho ấ ng V ấ Tr ấ nh	22/02/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	5.3	3.7	6.0	
92	3671040434	36CCĐ2	Nguy n ấ c Tr ng	07/04/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	6.0	4.2	6.5	
93	3671040147	36CCĐ1	Tr n Quang Trung	01/06/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
94	3671040060	36CCĐ1	Ph m Nh t Tr ng	26/12/1994				6.0	5.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	N HP
95	3671040577	36CCĐ2	Tr n H u Vinh	16/01/1994				10.0	8.0	8.0	8.7	2.6	3.5	2.5	5.1	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CCĐ2 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 131017200201 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
96	3671040041	36CCĐ1	Tr ng Nguy n ấ c Vinh	12/07/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	1.0	0.7	2.7	
97	3671041645	36CCĐ1	Nguy n Nguy ² n VIO	10/05/1994				6.0	6.0	6.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
98	3671040647	36CCĐ2	Tr n T n VIO	18/08/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	9.0	6.3	8.8	

T ng s : 98 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi"o Vi²n B M»n

Gi"o V Khoa